

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày: 27-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân nhân:

Ông Huỳnh Tấn Hưng

Bà Nguyễn Thị Thu Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị Tuyết H, sinh năm: 1995, tại huyện C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thành T, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1958; Có chồng là Trình Văn K, sinh năm 1994 (đã ly hôn), Trần Minh T, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và Quách Văn Cu T, sinh năm 1999. Có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018. Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ, đi học đến lớp 9 thì nghỉ, sinh sống bằng nghề làm thuê. Năm 2012, chung sống như vợ chồng với Trình Văn K và có 01 con chung sinh năm 2012, sau đó ly hôn. Năm 2017, chung sống như vợ chồng với Trần Minh T và có 01 con chung sinh năm 2018, đến năm 2019 ly hôn. Năm 2020, chung sống như vợ chồng với Quách Văn Cu T và hiện đang mang thai. Tiền sự: Ngày 19/7/2019, bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện C ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn 03 tháng, đến ngày 19/10/2019 chấp hành xong. Tiền án: Không.

- Bị cáo Trần Thị Tuyết H đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Dương Văn H, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Y, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Ông Lê Thanh Q, sinh năm 1989 (vắng mặt).

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1956 (có mặt).

- Ông Nguyễn Tôn N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

- Ông Phan Thanh L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/9/2021, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy - Công an huyện C phối hợp Công an xã B tuần tra kiểm soát trên địa bàn xã B, khi đến khu vực ấp H, xã B, huyện C thì phát hiện Lê Thanh H1 đang điều khiển xe mô tô biển số 67L2-441.62 chở Trần Thị Tuyết H chạy hướng Châu Đốc - Châu Phú có biểu hiện nghi vấn, nên tiến hành dừng phương tiện kiểm tra phát hiện trong túi áo khoác bên trái của H có 01 bọc nylon trong suốt hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng. Qua làm việc H khai nhận là ma túy đá mua của Nguyễn Văn T ở xã B, huyện C với giá 300.000 đồng mang về để sử dụng thì bị phát hiện, nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Ngày 06/10/2021, H bị khởi tố, điều tra.

Tang vật thu giữ: 01 bọc nylon trong suốt hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) đã niêm phong; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 xe mô tô biển số 67L2-441.62; 01 áo khoác Jeans màu xanh.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 268/KLGT-PC09(MT) ngày 24/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- 01 (một) phong bì được niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã B, huyện C, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên: Lê Minh H, Phạm Văn T, Nguyễn Tuấn K, Lê Thanh H1, Trần Thị Tuyết H. Bên trong có 01 (một) bọc nylon trong suốt hàn kín chứa tinh thể màu trắng, khối lượng: 0,1995g (không thấy một chín chín năm gam) (kí hiệu M).

- Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,1995g (không phải một chín chín năm gam).

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKSCP-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Trần Thị Tuyết H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà:

Bị cáo Trần Thị Tuyết H khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, không tranh luận đối với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, về xử lý vật chứng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên toà trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết H mức án tù 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý vật chứng như sau:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 xe mô tô biển số 67L2-441.62.

- Trả lại cho ông Lê Thanh H1 01 điện thoại di động hiệu Nokia có gắn sim số 0965.1196161.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và vật chứng không còn giá trị sử dụng, gồm: 01 áo khoác Jeans màu xanh và 01 phong bì được niêm phong bên trong có mẫu ma túy còn lại sau khi giám định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đã ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với người tham gia tố tụng: Những người làm chứng ông Lê Thanh Q, ông Nguyễn Tôn N, ông Phan Thanh L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố; Phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác gồm: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ cùng ngày 19/9/2021, kết luận giám định số 268/KLGT-PC09 (MT) ngày 24/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng. Từ đó, có căn cứ xác định: Bị cáo Trần Thị Tuyết H là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ việc cất giữ trái phép chất ma túy là xâm phạm trật tự quản lý hành chính và sự quản lý độc quyền chất ma túy của Nhà nước. Nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện việc tàng trữ 0,1995g (không phải một chín chín năm gam) chất ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra.

[2.2] Về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Ma túy là chất gây nghiện, một khi đã sử dụng thì khó có thể từ bỏ được, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng. Tệ nạn ma túy còn được xem là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, tội phạm, ảnh hưởng nghiêm trọng trật tự, an toàn xã hội. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi "*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy*". Bất cứ ai có hành vi trái pháp luật liên quan đến

ma túy đều được xem là hành vi nguy hiểm cho xã hội, sẽ bị xử lý kịp thời và nghiêm minh. Bị cáo nhận thức được tác hại của việc sử dụng ma túy nhưng bị cáo lại bất chấp cố ý sử dụng và trở thành người nghiện ma túy. Để thoả mãn cơn nghiện bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng lớn đến công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy mà Nhà nước, xã hội đang ra sức thực hiện. Do đó, cần có hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện C ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 19/10/2019. Điều này thể hiện nhân thân của bị cáo xấu. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo là phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo đang khó khăn, hiện đang mang thai và nuôi con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2.4] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên xét thấy cần xử lý các vật chứng trong vụ án như sau:

- Đối với các vật chứng gồm:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 67L2-441.62, số máy JA39E1470214, số khung 3919LY132341. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này của bà Nguyễn Thị H, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bà H.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số IMEI 353112113710624, có gắn sim số 09651196.161. Qua điều tra đã xác định của ông Lê Thanh H1 không liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho ông H.

+ 01 (một) cái phong bì được niêm phong (Vụ số: 268/KLGT-PC09 (MT) ngày 24/9/2021) có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H và Lê Minh H. Đây là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu huỷ.

+ 01 (một) cái áo khoác Jeans màu xanh, dài tay, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[2.5] Các vấn đề khác của vụ án:

- Đối với ông Nguyễn Văn T bán ma túy cho bị cáo Trần Thị Tuyết H hiện không có mặt tại địa phương và chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

- Đối với ông Lê Thanh H1 là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo Trần Thị Tuyết H, nhưng ông H1 không biết việc H mua ma túy của ai và cất giấu ma túy trong người, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

- Đối với việc bị cáo Trần Thị Tuyết H khai nhận ông Dương Văn H đưa cho bị cáo 300.000 đồng để mua ma túy về sử dụng, nhưng ông H không thừa nhận và ông H cũng không biết việc bị cáo, ông H1 sử dụng xe mô tô biển số 67L2-441.62 làm phương tiện phạm tội. Ngoài lời khai của bị cáo, không có chứng cứ khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H là có căn cứ.

[2.6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuyết H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Tuyết H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 67L2-441.62, số máy JA39E1470214, số khung 3919LY132341 (đã qua sử dụng chưa kiểm tra chất lượng bên trong).

- Trả lại cho Lê Thanh H1 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số IMEI 353112113710624, có gắn sim số 09651196.161 (máy không lên nguồn đã qua sử dụng chưa kiểm tra chất lượng bên trong).

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

+ 01 (một) cái áo khoác Jeans màu xanh, dài tay (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) cái phong bì được niêm phong (Vụ số: 268/KLGT-PC09 (MT) ngày 24/9/2021) có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H và Lê Minh H.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/01/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 136, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị Tuyết H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đường sự;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Cẩm Xuyên